

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VỀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI TẠI TOÀ ÁN CẤP SƠ THẨM

VŨ HOÀNG ANH* - PHẠM THÀNH AN**

Tóm tắt: Thực tiễn xét xử đã cho thấy việc áp dụng các quy định về đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trong giải quyết các tranh chấp đất đai còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập. Bài viết này tập trung nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật tố tụng dân sự về đình chỉ giải quyết tranh chấp đất đai, từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật có liên quan đến vấn đề này.

Từ khoá: Tranh chấp đất đai; đình chỉ giải quyết vụ án; hoàn thiện pháp luật

Ngày nhận bài: 29/03/2024; Biên tập xong: 23/10/2024; Duyệt đăng: 28/10/2024

PERFECTING THE CIVIL PROCEDURE LAW ON SUSPENSION OF LAND DISPUTE RESOLUTION AT THE COURT OF FIRST INSTANCE

Abstract: The application of the provisions regarding the suspension of civil case resolution in resolving land disputes in practice still encounters many obstacles and shortcomings. This article focuses on studying the legal situation and the practical implementation of civil procedural law regarding the suspension of resolving land disputes, thereby making recommendations to improve the law related to this issue.

Keywords: Land disputes; suspension of case resolution; legal improvement

Received: Mar 29th, 2024; **Editing completed:** Oct 23th, 2024; **Accepted for publication:** Oct 28th, 2024

1. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật tố tụng dân sự về đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp đất đai tại Toà án cấp sơ thẩm

Nghiên cứu thực trạng pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp đất đai tại Toà án cấp sơ thẩm có thể nhận thấy nhiều điểm chưa hợp lý. Những điểm chưa hợp lý này không những ảnh hưởng đến tính hoàn thiện của pháp luật mà còn dẫn đến những quan điểm khác nhau trong việc áp dụng pháp luật. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, trường hợp sau khi thụ lý vụ án tranh chấp đất đai, Toà án phát hiện tranh chấp đất đai chưa thực hiện thủ tục hoà giải tiền tố tụng theo quy định của pháp luật đất đai thì phải áp dụng căn cứ tại điểm e khoản 1 Điều 214 hay căn cứ tại điểm g khoản 1 Điều 217 để giải quyết vụ án

Khoản 1, 2 và 5 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024 quy định về hoà giải tranh chấp đất đai như sau: “Trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai quy định tại Điều 236 Luật Đất đai năm 2024, các bên tranh chấp phải thực hiện hoà giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp”. Như vậy, hoà giải tại nơi có đất là thủ tục bắt buộc phải thực hiện đối với tranh chấp đất đai trước

khi các bên khởi kiện đến Toà án. Nhằm đảm bảo sự tương thích với quy định của pháp luật đất đai, khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 về việc trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án cũng quy định cụ thể về vấn đề hoà giải đối với tranh chấp đất đai như sau: “Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hoà giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 (hiện quy định này tương ứng với Điều 235 Luật Đất đai năm 2024) thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”. Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết tranh chấp có thể tồn tại trường hợp, các bên trong tranh chấp đất đai chưa thực hiện thủ tục hoà giải tiền tố tụng tại nơi có đất nhưng đã nộp đơn khởi kiện thẳng đến Toà án do không nắm được các quy định của pháp

* Email: Hoanganhvuyb93@gmail.com

Khoa Pháp luật dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

** Email: Thanhphanphamlvt@gmail.com

Vụ Theo dõi xử lý các vụ án vụ việc, Ban Nội chính Trung ương

luật. Đáng lẽ, khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án phải trả lại đơn do chưa đủ điều kiện khởi kiện theo căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS năm 2015, nhưng vì không xem xét kỹ hồ sơ khởi kiện, Tòa án đã vào sổ thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án mới phát hiện vụ án đó chưa thực hiện thủ tục hoà giải tại nơi có đất.

Nghiên cứu các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, chúng tôi cho rằng trong trường hợp này Thẩm phán phải áp dụng căn cứ tại điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Điểm g khoản 1 Điều 217 dẫn chiếu về các trường hợp trả lại đơn khởi kiện tại Điều 192 BLTTDS năm 2015, trong đó có căn cứ tại điểm b – người khởi kiện chưa đủ điều kiện khởi kiện. Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP quy định rõ: *“Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật là trường hợp pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật khác có quy định về các điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó”*. Trong vụ án tranh chấp đất đai, đối với loại tranh chấp về quyền sử dụng đất, nếu các bên tranh chấp chưa thực hiện thủ tục hoà giải tại nơi có đất thì được xác định là chưa đủ điều kiện khởi kiện. Điểm khác biệt khi áp dụng Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 là các căn cứ ở Điều 192 được áp dụng trước khi Tòa án thụ lý vụ án, còn các căn cứ ở điểm g khoản 1 Điều 217 được áp dụng sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án. Việc áp dụng pháp luật như trên là đảm bảo tính logic trong hoạt động tố tụng.

Hiện nay, trong thực tiễn xét xử, một số Thẩm phán không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 (đình chỉ giải quyết vụ án) mà áp dụng điểm d khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015 (tạm đình chỉ giải quyết vụ án) khi phát hiện tranh chấp đất đai chưa được hoà giải tiền tố tụng sau khi thụ lý vụ án. Những người theo quan điểm này lập luận rằng, việc đương sự chưa thực hiện thủ tục hoà giải tiền tố tụng thuộc căn cứ *“sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước mới có thể giải quyết được vụ án”* (điểm d khoản 1 Điều 214 BLTTDS năm 2015). Việc chưa hoà

giải tiền tố tụng tại Ủy ban nhân dân xã nơi có đất được coi là sự việc chưa được cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước, vì vậy Tòa án hoàn toàn có cơ sở để áp dụng tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Định hướng giải quyết của quan điểm này như sau: *Giả thiết thứ nhất là*, khi các bên trong tranh chấp đất đai quay về để thực hiện thủ tục hoà giải tại nơi có đất mà không thành thì Tòa án sẽ ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại Điều 216 BLTTDS năm 2015 (căn cứ tạm đình chỉ không còn); *Giả thiết thứ hai là*, khi các bên trong tranh chấp đất đai quay về để thực hiện thủ tục hoà giải tại nơi có đất mà đạt được kết quả hoà giải thành thì Tòa án phải áp dụng căn cứ tại điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 (điểm g dẫn chiếu đến Điều 192 BLTTDS năm 2015, trong đó có căn cứ tại điểm c Điều 192: Sự việc đã được giải quyết bằng quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) để đình chỉ giải quyết vụ án. Chúng tôi cho rằng quan điểm này là không chính xác, có tính chất gượng ép. Bởi lẽ, việc chưa hoà giải tiền tố tụng thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện, khi xem xét đơn khởi kiện mà tòa án phát hiện ra sự việc này thì phải trả lại đơn khởi kiện; còn nếu sau khi thụ lý vụ án Tòa án mới phát hiện ra sự việc đó thì phải đình chỉ giải quyết vụ án theo căn cứ tại điểm g khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 mới bảo đảm tính logic của các hoạt động tố tụng. Thêm nữa, nếu áp dụng tạm đình chỉ giải quyết vụ án, mà trong thời gian tạm đình chỉ các bên tranh chấp hoà giải thành tại nơi có đất thì Tòa án sẽ phải ra thêm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (điểm g dẫn chiếu đến Điều 192 BLTTDS năm 2015). Điều này sẽ dẫn đến sự mâu thuẫn với Điều 203 BLTTDS năm 2015. Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 thì trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán chỉ được ra một trong các quyết định như: *“Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đưa vụ án ra xét xử”*. Như vậy, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) cần hướng dẫn rõ ràng theo hướng xác định trường hợp đương sự chưa thực hiện thủ tục hoà giải tiền tố tụng đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất không thuộc căn cứ *“sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước mới có thể giải quyết được vụ án”*.

Thứ hai, căn cứ đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án khi có căn cứ “nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác” tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 còn tồn tại nhiều điểm chưa hợp lý

Hiện nay, những tranh chấp dân sự phát sinh trên thực tế đa phần đều xoay quanh vấn đề tài sản, trong đó có tranh chấp đất đai. Đối với các tranh chấp đất đai, để việc giải quyết theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế khách quan thì việc định giá nhà đất là yêu cầu bắt buộc phải thực hiện. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án, việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản... là rất cần thiết, nhằm xác định tính có căn cứ của chứng cứ, giá trị tài sản tranh chấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Chính vì vậy, định giá tài sản đóng vai trò quan trọng trong giải quyết tranh chấp.

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015: Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nếu có căn cứ: “đ) Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác”. Đây là một quy định mới so với BLTTDS năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011) nhằm khắc phục tình trạng khi giải quyết vụ án, đương sự có yêu cầu định giá tài sản, giám định nhưng đương sự không chịu nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác¹. Theo quy định BLTTDS năm 2015 chi phí tố tụng khác ngoài chi phí định giá tài sản được hiểu là chi phí ủy thác ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, chi phí thẩm định giá, chi phí cho người làm chứng, chi phí cho người phiên dịch². Thực tiễn xét xử cho thấy, căn cứ đình chỉ này chủ yếu được áp dụng vào các vụ án cần phải xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản. Thông thường những khoản cần phải chi trong việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản sẽ bao gồm những khoản sau: Một là, chi phí đo vẽ nhà đất, được

tính theo giá của cơ quan có chức năng đo vẽ nhà, đất, đây là chi phí có hợp đồng, biên lai thu tiền; Hai là, chi phí cho phương tiện đi lại, nếu địa điểm ở xa thì chi phí được tính theo giá vận chuyển, sẽ có hoá đơn, chứng từ, nếu địa điểm gần thì cán bộ Tòa án và thành viên sẽ tự túc phương tiện; Ba là, chi phí cho đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường tham gia phối hợp cùng Tòa án để tiến hành xác định vị trí đất, ranh đất; Bốn là, chi phí cho Hội đồng định giá³.

Nghiên cứu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 và một số Giải đáp của TANDTC, chúng tôi nhận thấy một số điểm chưa hợp lý sau:

Một là, việc sử dụng liên từ “và” tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 không hợp lý

Xét về ngôn ngữ, “và” là liên từ thể hiện tính đồng thời. BLTTDS năm 2015 dùng từ “và” trong trường hợp này dẫn đến cách hiểu là nguyên đơn phải vừa không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản vừa không nộp tạm ứng chi phí tố tụng khác thì Tòa án mới đình chỉ giải quyết vụ án. Do đó, quy định nêu trên nên sử dụng từ “hoặc” để nối hai vế của mệnh đề.

Hai là, không thể áp dụng căn cứ tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án trong trường hợp vụ án còn có yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

Đáng lẽ điểm đ khoản 1 Điều 217 phải xét hai trường hợp: Một là, nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản hoặc chi phí tố tụng khác và trong vụ án dân sự không còn yêu cầu của đương sự khác; Hai là, nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản hoặc chi phí tố tụng khác nhưng trong vụ án vẫn còn yêu cầu của đương sự khác. Trong hai trường hợp này, trường hợp một Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp, nhưng ở trường hợp hai, chỉ nên đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các yêu cầu của đương sự khác phải được tiếp tục xem xét giải quyết.

So sánh ngay trong cùng một điều luật đã thấy điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 bộc lộ điểm không hợp lý khi đặt cạnh

¹ Nguyễn Huy Hoàng (2022), *Trao đổi về quyền khởi kiện lại khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản*, <https://kiemsat.vn/trao-doi-ve-quyen-khoi-kien-lai-khi-toa-an-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-do-nguyen-don-khong-nop-tien-tam-ung-chi-phi-dinh-gia-tai-san-64400.html>, truy cập 20/02/2024.

² Điều 151, Điều 155, Điều 159, Điều 163, Điều 167, Điều 168 BLTTDS năm 2015.

³ Nguyễn Nho Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Nguyễn Tuấn Anh, “Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của BLTTDS năm 2015”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 54/2023, tr.68-69.

điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Theo đó, đối với việc đình chỉ giải quyết vụ án khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Tòa án chỉ đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án trong trường hợp nguyên đơn rút hết yêu cầu khởi kiện và trong vụ án không còn yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập của đương sự khác. Còn trong trường hợp nguyên đơn rút hết yêu cầu khởi kiện nhưng vụ án vẫn còn yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (mà các đương sự này không rút yêu cầu) thì Tòa án không đình chỉ giải quyết vụ án mà chỉ đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn và tiếp tục xem xét, giải quyết các yêu cầu của đương sự khác. Đáng lẽ điểm đ khoản 1 Điều 217 cũng phải được xây dựng giống như tinh thần được thể hiện ở điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015. Thực tế, bản chất của việc đình chỉ giải quyết vụ án khi nguyên đơn không chủ động nộp các chi phí tố tụng là một hậu quả pháp lý bất lợi dành cho hành động thiếu ý thức của nguyên đơn. Theo đó, việc đình chỉ này chỉ nên được áp dụng đối với phần yêu cầu của nguyên đơn chứ không thể mở rộng ra toàn bộ vụ án. Quy định của điểm đ khoản 1 Điều 217 chưa bảo đảm quyền tiếp cận công lý của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp vụ án có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập.

Ba là, hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại mục 2 phần II của Giải đáp số 01/GĐTANDTC ngày 05/01/2018 không triệt để vì không xác định được hậu quả pháp lý khi nguyên đơn không nộp bổ sung chi phí tạm ứng định giá tài sản

Theo hướng dẫn của TANDTC tại mục 2 phần II của Giải đáp số 01/GĐTANDTC ngày 05/01/2018 (Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC): Trường hợp nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chi phí định giá tài sản nhưng khi có kết luận giám định, kết quả định giá tài sản thì chi phí giám định, chi phí định giá tài sản cao hơn số tiền tạm ứng và Tòa án có yêu cầu nguyên đơn nộp bổ sung nhưng nguyên đơn không thực hiện thì không phải là căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015.

Chúng tôi cho rằng hướng dẫn này không giải quyết được triệt để các vướng mắc, bất cập vì không đề cập đến cách thức

giải quyết trường hợp đương sự không đồng ý hoặc cố tình không nộp bổ sung tiền tạm ứng định giá tài sản. Nếu Tòa án căn cứ vào Điều 161 và Điều 165 BLTTDS năm 2015 để xác định người phải chịu chi phí định giá tài sản thì chỉ thực hiện được khi có căn cứ của kết quả định giá. Thực tế, nếu không nộp đủ số tiền cần thiết thì cơ quan định giá sẽ không trả kết quả và khi không có kết quả thì Tòa án sẽ không tiến hành tố tụng, đánh giá khách quan các chứng cứ, lời khai để quyết định nội dung, chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của đương sự. Vì vậy, chúng tôi cho rằng hướng dẫn này là không hợp lý và không có tính khả thi⁴.

Bốn là, vì hiện nay BLTTDS năm 2015 và các văn bản hướng dẫn chưa quy định về thời hạn nộp tạm ứng chi phí định giá và các chi phí tố tụng khác nên dẫn tới thực tiễn xét xử tồn tại các cách giải quyết khác nhau.

Qua khảo sát một số vụ án, chúng tôi nhận thấy hiện nay các Tòa án xác định thời hạn nộp tạm ứng chi phí định giá có sự khác nhau. Có Tòa án xác định thời hạn này là 05 ngày, Tòa khác lại xác định là 07 ngày hoặc cũng có Tòa xác định là 15 ngày⁵. Việc thiếu quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về ấn định thời hạn nộp tạm ứng chi phí định giá dẫn đến việc áp dụng tùy tiện trong thực tế.

Thứ ba, về quyền khởi kiện lại trong trường hợp vụ án tranh chấp đất đai bị Tòa án đình chỉ với căn cứ “nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác” tại khoản 1 Điều 218 chưa hợp lý

Khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 có quy định về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ giải quyết vụ án như sau: “*Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật...*”. Quyền khởi kiện lại khi vụ án dân sự bị đình chỉ giải quyết theo căn cứ tại điểm đ khoản 1 Điều 192 thì còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau.

⁴ Nguyễn Nho Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Nguyễn Tuấn Anh, tldđ, tr.72.

⁵ Nguyễn Nho Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Nguyễn Tuấn Anh, tldđ, tr.74.

Quan điểm thứ nhất cho rằng nguyên đơn có quyền khởi kiện lại trong trường hợp vụ án đã bị đình chỉ do họ không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản hoặc chi phí tố tụng khác. Lập luận cho rằng khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 quy định việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp để nhằm hạn chế việc kiện tụng nhiều lần, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội đối với những trường hợp đã chấm dứt tư cách chủ thể như cá nhân chết; tổ chức bị giải thể. Việc khởi kiện lại vụ án đối với những chủ thể đã “chết” là không thể thực hiện, do đó, pháp luật không cho phép khởi kiện lại. Như vậy, khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 có điều khoản mở về quyền khởi kiện lại “trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật”. Cần phải hiểu là ngoài những trường hợp tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 thì còn các trường hợp khác mà chưa được liệt kê⁶.

*Quan điểm thứ hai*⁷ trùng với quan điểm, nếu căn cứ theo khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 thì phải hiểu rằng tinh thần của điều luật này không cho phép nguyên đơn có quyền khởi kiện lại khi vụ án đã bị đình chỉ do họ không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản hoặc chi phí tố tụng khác. Thực tế, Điều 218 sử dụng phương pháp loại trừ, nghĩa là chỉ những trường hợp bị Điều 218 loại bỏ (như khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217) thì nguyên đơn mới có quyền khởi kiện lại, những trường hợp không bị loại trừ thì đương nhiên nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại. Nếu cho rằng quyền khởi kiện lại tại điểm d khoản 1 Điều 217 được ẩn chứa trong cụm từ “và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật” thì lại càng không hợp lý. Về tư duy logic, Điều 218 được thiết kế ngay sau Điều 217, nếu nhà lập pháp có ý định cho phép trường hợp này được khởi kiện lại thì phải liệt kê

nó tại Điều 218 (không thể có điểm thì liệt kê, điểm thì ẩn chứa trong “các trường hợp khác”). Cụm từ “các trường hợp khác” là quy định dữ liệu, theo đó nếu trường hợp pháp luật có quy định đương sự được quyền khởi kiện lại khi vụ án bị đình chỉ thì áp dụng quy định đó. Tuy nhiên, hiện nay qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, chúng tôi chưa thấy quy định nào khác ngoài Điều 218 BLTTDS năm 2015 quy định về các trường hợp được quyền khởi kiện lại khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Chính vì trong thực tiễn còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau nên để bảo đảm quyền khởi kiện lại của nguyên đơn khi họ chưa có đủ kinh phí để nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản hoặc các chi phí tố tụng khác thì một số Thẩm phán đã hướng dẫn nguyên đơn rút đơn khởi kiện. Từ đó, Tòa án có thể áp dụng đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015: “Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện....” và nguyên đơn được quyền khởi kiện lại theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC⁸.

Để chấm dứt tình trạng các Tòa án xử lý khác nhau về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự khi nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác, TANDTC đã ban hành Công văn số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 để thể hiện rõ quan điểm về vấn đề này. Theo đó, mục 5 phần IV của Công văn này có quy định: “Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác” thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa giải quyết tiếp vụ án như đối với trường hợp rút đơn khởi kiện. Chúng tôi cho rằng, Giải đáp trên của TANDTC là tương thích với quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015, song cả hai quy định đó đều không phù hợp. Nếu không cho phép nguyên đơn khởi kiện lại chỉ vì vụ án đã bị đình chỉ do họ không nộp chi phí tố tụng là không thực sự hợp lý. Bởi lẽ, có nhiều lý do dẫn đến việc nguyên đơn chưa thể đóng tạm ứng chi phí tố tụng, ví dụ như chưa có tiền đóng, chưa có điều kiện đóng trong thời gian Tòa án ấn định... mà họ mất luôn quyền khởi kiện thì quá khắt khe với họ⁹.

⁶ Nguyễn Huy Hoàng (2022), tldđ.

⁷ Chu Thị Thom (2021), *Về việc Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác*, <https://tapchitoaan.vn/ve-viec-toa-an-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-do-nguyen-don-khong-nop-tien-uy-thac-tu-phap>, truy cập 22/3/2024; Lê Hồng Sơn, “Quyền khởi kiện lại khi vụ án bị đình chỉ do đương sự không nộp tạm ứng chi phí tố tụng”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 50/2022, tr.115.

⁸ Chu Thị Thom (2021), tldđ.

⁹ Lê Hồng Sơn, tldđ, tr.121.

Quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 cùng với hướng dẫn tại Công văn số 02/2021/TANDTC-PC không bảo đảm quyền khởi kiện (còn gọi là “tố quyền” hay “quyền được tiếp cận công lý”) của nguyên đơn. Bên cạnh đó, quy định này cũng không phù hợp với mục đích của nguyên tắc “vấn đề đã được giải quyết” (tiếng La tinh là *Res judicata*). Việc ngăn chặn nguyên đơn khởi kiện lại vụ án có cùng các bên đương sự, có cùng nội dung tranh chấp và đã được Tòa án ra quyết định giải quyết hướng tới các mục đích sau đây: Một là, bảo đảm sự công bằng cho các bên đương sự trong việc giải quyết tranh chấp tại Tòa án, theo đó, các bên đương sự sẽ được bảo đảm rằng họ không phải tham gia tố tụng tại Tòa án trong các vụ kiện có cùng các bên đương sự và có cùng nội dung hoặc các nội dung tranh chấp; Hai là, để bảo đảm tính ổn định, cuối cùng của quyết định của Tòa án về giải quyết một hoặc một số tranh chấp giữa các bên đương sự; Ba là, tạo điều kiện chấm dứt tranh chấp giữa các bên, hạn chế các bên lạm dụng thủ tục tố tụng để chèn ép, gây thiệt hại về kinh tế, uy tín của nhau cũng như làm lãng phí nguồn lực nhân sự, tài chính của Tòa án¹⁰. Việc xác định những trường hợp nguyên đơn không được khởi kiện lại phải căn cứ vào mục đích “tránh cho những vấn đề đã được giải quyết lại bị đem ra xét xử lại”. Thực tế, trong trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án khi nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác thì nội dung quyền lợi của các đương sự chưa được Tòa án giải quyết. Bên cạnh đó, thực tiễn xét xử cũng cho thấy có những vụ án mà số tiền tạm ứng chi phí tố tụng rất lớn khiến cho đương sự không thể có điều kiện để đóng. Ví dụ, theo một quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: “Thực hiện Thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng số 07/TB-TA ngày 07/06/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Nguyễn Thuận B phải nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận thông báo là ngày 18/6/2019. Tuy nhiên, hết thời hạn nêu trong thông báo, ông Bình vẫn không

nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Nguyễn Thuận B kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 12/2019/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận với lý do không có số tiền 72.000.000 đồng để nộp chi phí ủy thác tư pháp là lý do không chính đáng”¹¹. Thực tế, không phải đương sự nào cũng có 72.000.000 đồng để đóng tạm ứng chi phí tố tụng trong vòng 07 ngày.

2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự về đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp đất đai tại Tòa án cấp sơ thẩm

Thứ nhất, TANDTC cần ban hành hướng dẫn nhằm bảo đảm thống nhất pháp luật, tránh áp dụng căn cứ “sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước mới có thể giải quyết được vụ án” để tạm đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp đất đai khi phát hiện đương sự chưa hoà giải tiền tố tụng sau thời điểm thụ lý vụ án

Theo chúng tôi, hướng dẫn xác định rõ, đối với trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án phát hiện tranh chấp đất đai chưa thực hiện thủ tục hoà giải tiền tố tụng thì phải áp dụng căn cứ tại điểm g khoản 1 Điều 217 để đình chỉ giải quyết vụ án.

Thứ hai, sửa đổi và bổ sung quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 217 BLTTDS năm 2015

Trong những bất cập ở trên, chúng tôi đã bàn về điểm thiếu hợp lý của liên từ “và” trong quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 và việc đình chỉ giải quyết vụ án khi nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác nhưng không xem xét đến các vụ án có yêu cầu phản tố và độc lập là chưa bảo đảm được quyền lợi hợp pháp của bị đơn cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan¹². Theo đó:

- Điểm đ khoản 1 Điều 217 cần sửa đổi, bổ sung như sau:

“đ) Nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này....”

¹⁰ Lê Mạnh Hùng (2021), *Về quy định nguyên đơn không được khởi kiện lại vụ án dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/ve-quy-dinh-nguyen-don-khong-duoc-khoi-kiem-lai-vu-an-dan-su>, truy cập 25/02/2023.

¹¹ Lê Hồng Sơn, tldđ, tr.122.

¹² Nguyễn Nho Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Nguyễn Tuấn Anh, tldđ.

- Khoản 2 Điều 217 cần sửa đổi như sau:

“2. Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc trường hợp nguyên đơn không nộp tạm ứng chi phí định giá, chi phí tố tụng khác và trong vụ án đó có bị đơn yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập thì giải quyết như sau: ...”

Thứ ba, sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 218 BLTTDS năm 2015 đồng thời huỷ bỏ Giải đáp tại mục 5 phần IV Công văn số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021

Chúng tôi cho rằng, hướng giải quyết không cho phép nguyên đơn được quyền khởi kiện lại sau khi vụ án bị đình chỉ do họ không đóng tạm ứng chi phí tố tụng mà TANDTC đã hướng dẫn là không bảo đảm quyền tiếp cận công lý của nguyên đơn. Và cũng không nên phát triển định hướng trên thành án lệ như dự tính mà TANDTC đang tiến hành¹³. Bởi lẽ, sẽ có nguy cơ là án lệ không bảo đảm quyền con người, quyền công dân và không phù hợp với quy định của BLTTDS năm 2015. Giải pháp tốt nhất là phải sửa quy định của BLTTDS năm 2015 theo hướng bổ sung vào khoản 1 Điều 218 trường hợp đương sự được quyền khởi kiện lại khi vụ án bị đình chỉ do không nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Trong điều kiện chưa sửa đổi, bổ sung BLTTDS được thì Hội đồng thẩm phán TANDTC có thể ban hành Nghị quyết hướng dẫn trường hợp này theo hướng đương sự có quyền khởi kiện lại. Đồng thời, đối với những đối tượng được miễn hoặc không phải nộp tạm ứng án phí thì cũng nên có quy định cho họ được miễn hoặc không phải nộp chi phí tạm ứng định giá hoặc các chi phí tố tụng khác nhằm bảo đảm hơn nữa quyền tiếp cận công lý của công dân.

Thứ tư, TANDTC cần có văn bản hướng dẫn xác định rõ thời hạn đương sự phải nộp chi phí tạm ứng định giá tài sản và chi phí tố tụng khác

Vì chi phí tạm ứng định giá tài sản trong một số vụ án là tương đối lớn, để đương sự có đủ thời gian thu xếp thì nên xác định thời hạn này là 10 ngày kể từ ngày nhận được tổng đặt hợp lệ của Tòa án. Đồng thời Tòa án phải giải

thích để đương sự biết được hậu quả pháp lý của việc mà họ không nộp khoản tiền tạm ứng này.

Thứ năm, cần xác định trường hợp đương sự không nộp bổ sung tiền tạm ứng chi phí định giá là căn cứ để đình chỉ giải quyết yêu cầu của đương sự

Như đã phân tích ở trên, công văn Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC về cách thức xử lý đối với trường hợp đương sự không nộp bổ sung tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác là không có tính khả thi và không thể thực hiện được. Mặt khác, Công văn chỉ có giá trị nội bộ trong hệ thống Tòa án, do vậy, để áp dụng thống nhất TANDTC cũng cần có văn bản chính thức hướng dẫn về vấn đề này. Chúng tôi đề xuất là trường hợp đương sự không nộp bổ sung tiền tạm ứng thì xử lý như đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí là đình chỉ giải quyết vụ án dân sự¹⁴.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
2. Luật Đất đai năm 2024;
3. Dự thảo án lệ số 09 của Tòa án nhân dân tối cao, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?anodeId=/UCMServer/TAND131243>.
4. Nguyễn Huy Hoàng (2022), *Trao đổi về quyền khởi kiện lại khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản*, <https://kiemsat.vn/trao-doi-ve-quyen-khoi-kien-lai-khi-toa-an-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-do-nguyen-don-khong-nop-tien-tam-ung-chi-phi-dinh-gia-tai-san-64400.html>, truy cập 20/02/2024;
5. Nguyễn Nho Hoàng, Nguyễn Thị Thuý Hằng, Nguyễn Tuấn Anh, “Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do đương sự không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 54/2023, tr.68-69;
6. Chu Thị Thơm (2021), *Về việc Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án dân sự do nguyên đơn không nộp tiền ủy thác tư pháp*, <https://tapchitoaan.vn/ve-viec-toa-an-dinh-chi-giai-quyet-vu-an-dan-su-do-nguyen-don-khong-nop-tien-uy-thac-tu-phap>, truy cập 22/3/2024;
7. Lê Hồng Sơn, “Quyền khởi kiện lại khi vụ án bị đình chỉ do đương sự không nộp tạm ứng chi phí tố tụng”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số 50/2022, tr.115;
8. Lê Mạnh Hùng (2021), *Về quy định nguyên đơn không được khởi kiện lại vụ án dân sự*, <https://tapchitoaan.vn/ve-quy-dinh-nguyen-don-khong-duoc-khoi-kien-lai-vu-an-dan-su>, truy cập 25/02/2023.

¹³ Dự thảo án lệ số 09 của Tòa án nhân dân tối cao, <https://anle.toaan.gov.vn/webcenter/ShowProperty?nodeId=/UCMServer/TAND131243>.

¹⁴ Nguyễn Huy Hoàng (2022), *ltdđ*.